

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO MÔN HỌC**

**Đồ Án Lập Trình Web Nâng Cao**

**ĐỀ TÀI:**

**Quản Lý Cửa Hàng Đồ Gỗ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện** | **: Hồ Công Hưng** |
| **Giảng viên hướng dẫn** | **: TS Phương Văn Cảnh** | |
| **Chuyên ngành** | **: CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM** | |
| **Lớp** | **: D16CNPM1** | |

***Hà Nội , ngày tháng năm 2024***

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên sinh viên** | **Nội dung thực hiện** | **Điểm** | **Chữ ký** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên giảng viên** | **Chữ ký** | **Ghi chú** |
| Giảng viên chấm 1: |  |  |
| Giảng viên chấm 2: |  |  |

# MỞ ĐẦU

Trên thực tế không có sự thành công nào mà không gắn liền với những sự hỗ trợ, giúp đỡ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp của người khác. Trong suốt thời gian đã và đang học tập tại trường đến nay, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của quý Thầy Cô, gia đình và bạn bè.

Và đặc biệt, trong học kỳ này. Em xin cảm ơn thầy Phương Văn Cảnh đã hướng dẫn, góp ý, thảo luận để bài báo cáo này của em được hoàn thiện. Trong thời gian được học tập và thực hành dưới sự hướng dẫn của cô, chúng em không những thu được rất nhiều kiến thức bổ ích, mà còn được truyền sự say mê và thích thú đối với bộ môn *Lập Trình Web Nâng Cao*.

Mặc dù đã rất cố gắng hoàn thiện đồ án với tất cả sự nỗ lực, tuy nhiên, do bước đầu đi vào thực tế, tìm hiểu và xây dựng đồ án trong thời gian có hạn, với lượng kiến thức còn hạn chế, nhiều bỡ ngỡ, nên đồ án “*Quản lý cửa hàng đồ gỗ HH*” chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng em rất mong nhận được sự quan tâm, thông cảm và những đóng góp quý báu của các thầy cô và các bạn để đồ án này ngày càng hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, chúng em xin chân thành cám ơn thầy và luôn mong nhận được sự đóng góp của thầy cô và các bạn.

Sau cùng, chúng em xin kính chúc các thầy cô trong Khoa Công Nghệ Thông Tin dồi dào sức khỏe, niềm tin để tiếp tục thực hiện sứ mệnh cao đẹp của mình là truyền đạt kiến thức cho thế hệ mai sau.

Trân trọng!

**MỤC LỤC**

[MỞ ĐẦU 3](#_Toc104727597)

[CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI:......................................](#_Toc104727599).9

[1.Giới thiệu về đề tài 9](#_Toc104727600)

[2.Giới thiệu về framework Asp .Net Core 9](#_Toc104727602)

[3.Giới thiệu về Visual Studio 11](#_Toc104727605)

[CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 13](#_Toc104727606)

[1. Khảo sát và phát biểu bài toán: 13](#_Toc104727607)

[2. Xây Dựng Cơ Sở Dữ Liệu: 15](#_Toc104727608)

[3. Xác Định Actor Và Usecase 22](#_Toc104727609)

[3.1. Đặc tả chức năng Đăng nhập – Đăng xuất – Đăng ký 23](#_Toc104727610)

[3.2. Đặc tả chức năng quản lý sản phẩm 29](#_Toc104727613)

[3.3. Đặc tả chức năng quản lý danh mục 34](#_Toc104727617)

[3.4. Đặc tả chức năng Quản lý tin tức 38](#_Toc104727620)

[3.5. Đặc tả chức năng quản lý giỏ hàng 45](#_Toc104727624)

[4. Thiết kế giao diện: 49](#_Toc104727627)

[KẾT LUẬN 58](#_Toc104727628)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 60](#_Toc104727629)

**MỤC LỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ:**

[Bảng 1. 1 Bảng Account 16](#_Toc104727725)

[Bảng 1. 2 Bảng Role Account 16](#_Toc104727726)

[Bảng 1. 3 Bảng Khách hàng 17](#_Toc104727727)

[Bảng 1. 4 Bảng Danh mục sản phẩm 18](#_Toc104727728)

[Bảng 1. 5 Bảng Sản phẩm 19](#_Toc104727729)

[Bảng 1. 6 Bảng Đơn hàng 19](#_Toc104727730)

[Bảng 1. 7 Bảng Chi tiết đơn hàng 20](#_Toc104727731)

[Bảng 1. 8 Bảng Trạng thái đơn hàng 20](#_Toc104727732)

[Bảng 1. 9 Bảng Quản lý shipper 21](#_Toc104727733)

[Bảng 1. 10 Bảng Quản lý shipper 21](#_Toc104727734)

[Bảng 1. 11 Bảng Actor Và Usecase 23](#_Toc104727735)

[Bảng 1. 12 Đặc tả Use case Đăng nhập 24](#_Toc104727736)

[Bảng 1. 13 Đặc tả Use case Đăng xuất 25](#_Toc104727737)

[Bảng 1. 14 Đặc tả Use case Đăng ký tài khoản 27](#_Toc104727738)

[Bảng 1. 15 Chức năng thêm sản phẩm 29](#_Toc104727739)

[Bảng 1. 16 Chức năng sửa sản phẩm 31](#_Toc104727740)

[Bảng 1. 17 Chức năng xóa sản phẩm 33](#_Toc104727741)

[Bảng 1. 18 Đặc tả chức năng thêm danh mục 35](#_Toc104727742)

[Bảng 1. 19 Đặc tả chức năng Sửa danh mục 37](#_Toc104727743)

[Bảng 1. 20 Chức năng thêm tin tức 39](#_Toc104727744)

[Bảng 1. 21 Chức năng sửa tin tức 42](#_Toc104727745)

[Bảng 1. 22 Chức năng xóa tin tức 43](#_Toc104727746)

[Bảng 1. 23 Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ 45](#_Toc104727747)

[Bảng 1. 24 Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ 47](#_Toc104727748)

[Biểu đồ 1. 1 Biểu đồ trình tự đăng nhập 24](#_Toc104727762)

[Biểu đồ 1. 2 Biểu đồ hoạt động Đăng nhập 25](#_Toc104727763)

[Biểu đồ 1. 3 Biểu đồ trình tự đăng xuất 26](#_Toc104727764)

[Biểu đồ 1. 4 Biểu đồ hoạt động Đăng xuất 26](#_Toc104727765)

[Biểu đồ 1. 5 Biểu đồ trình tự đăng ký 28](#_Toc104727766)

[Biểu đồ 1. 6 Biểu đồ hoạt động Đăng ký 28](#_Toc104727767)

[Biểu đồ 1. 7 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm 30](#_Toc104727768)

[Biểu đồ 1. 8 Biểu đồ hoạt động thêm Sản phẩm 30](#_Toc104727769)

[Biểu đồ 1. 9 Biểu đồ trình tự Sửa sản phẩm 32](#_Toc104727770)

[Biểu đồ 1. 10 Biểu đồ hoạt động sửa Sản phẩm 32](#_Toc104727771)

[Biểu đồ 1. 11 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm 34](#_Toc104727772)

[Biểu đồ 1. 12 Biểu đồ hoạt động xóa Sản phẩm 34](#_Toc104727773)

[Biểu đồ 1. 13 Biểu đồ trình tự Thêm danh mục 36](#_Toc104727774)

[Biểu đồ 1. 14 Biểu đồ hoạt động Thêm danh mục 36](#_Toc104727775)

[Biểu đồ 1. 15 Biểu đồ trình tự Sửa danh mục 38](#_Toc104727776)

[Biểu đồ 1. 16 Biểu đồ hoạt động Sửa danh mục 38](#_Toc104727777)

[Biểu đồ 1. 19 Biểu đồ trình tự Thêm tin tức 40](#_Toc104727778)

[Biểu đồ 1. 20 Biểu đồ hoạt động Thêm tin tức 40](#_Toc104727779)

[Biểu đồ 1. 21 Biểu đồ trình tự Sửa tin tức 42](#_Toc104727780)

[Biểu đồ 1. 22 Biểu đồ hoạt động Sửa tin tức 42](#_Toc104727781)

[Biểu đồ 1. 23 Biểu đồ trình tự Xóa tin tức 44](#_Toc104727782)

[Biểu đồ 1. 24 Biểu đồ hoạt động Xóa tin tức 44](#_Toc104727783)

[Biểu đồ 1. 25 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm vào giỏ 46](#_Toc104727784)

[Biểu đồ 1. 26 Biểu đồ hoạt động Thêm SP vào Giỏ 46](#_Toc104727785)

[Biểu đồ 1. 27 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm trong giỏ 48](#_Toc104727786)

[Biểu đồ 1. 28 Biểu đồ hoạt động Xóa SP trong Giỏ 48](#_Toc104727787)

**MỤC LỤC HÌNH ẢNH**

[Hình 1. 1 Biểu đồ lớp Cơ Sở Dữ Liệu 15](#_Toc104727791)

[Hình 1. 2 Giao diện Đăng nhập 49](#_Toc104727792)

[Hình 1. 3 Giao diện Đăng ký 49](#_Toc104727793)

[Hình 1. 4 Giao diện trang chủ (1) 50](#_Toc104727794)

[Hình 1. 5 Giao diện trang chủ (2) 50](#_Toc104727795)

[Hình 1. 6 Giao diện trang sản phẩm (1) 51](#_Toc104727797)

[Hình 1. 7 Giao diện trang sản phẩm (2) 51](#_Toc104727798)

[Hình 1. 8 Giao diện tin tức 52](#_Toc104727801)

[Hình 1. 9 Giao diện giỏ hàng 53](#_Toc104727803)

[Hình 1. 10 Giao diện thông tin người dùng 53](#_Toc104727804)

[Hình 1. 11 Giao diện đổi mật khẩu 54](#_Toc104727805)

[Hình 1. 12 Giao diện Admin dashboard 54](#_Toc104727806)

[Hình 1. 13 Giao diện Quản lý sản phẩm 55](#_Toc104727807)

[Hình 1. 14 Giao diện Thêm mới sản phẩm 55](#_Toc104727808)

[Hình 1. 15 Giao diện quản lý khách hàng 56](#_Toc104727809)

[Hình 1. 16 Giao diện quản lý tài khoản 56](#_Toc104727810)

[Hình 1. 17 Giao diện Quản lý danh mục 57](#_Toc104727812)

**BẢNG TÀI KHOẢN DEMO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài khoản** | **Mật khẩu** | **Quyền** |
| admin@admin.com | 123456 | Admin |
| khach@gmail.com | 123456 | User |

# CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI:

## **1.Giới thiệu về đề tài**

* *Tên đề tài:* Xây dựng website giới thiệu và bán các mặt Đồ Gỗ.

## *Mục Tiêu của Đề Tài:* Xây dựng và thiết kế website giới thiệu và bán các mặt hàng sản phẩm về nội thất trên mạng.

* *Đối tượng nghiên cứu của đề tài:* Nắm bắt và tìm hiểu về framework Asp .Net core.
* *Một số trang chính của Website:*

+ Trang chủ: Đây là trang giới thiệu sơ lược về các sản phẩm mới, các sản phẩm bán chạy.

+ Trang Sản phẩm: Đây là trang mà khách hàng có thể lựa chọn các sản phẩm từ gỗ như:Bàn gỗ, ghế gỗ, sofa, …

+ Trang Tin tức:

+ Trang Giới thiệu: Giới thiệu về lịch sử thương hiệu và các chính sách của cửa hàng.

+ Trang Hỗ trợ: Gồm hỗ trợ về Dịch vụ, liên hệ và báo cáo khiếu nại.

+ Trang Giỏ hàng:

+ Trang Đăng nhập: Người dùng đăng nhập tài khoản để đặt mua sản phẩm của trang hoặc đăng nhập vào trang quản trị đối với Người quản trị.

+ Trang Cửa hàng: Đây là trang giúp khách hàng xem được vị trí giõ hơn của cửa hàng qua định vị GPS của Google Map để tìm được cửa hàng gần nhất.

## **2.Giới thiệu về framework** **Asp .Net Core**

[**ASP.NET Core**](https://netcore.vn/muc-bai-viet/aspnet-core) là một framework mới của Microsoft. Nó được thiết kế lại từ đầu để trở nên nhanh chóng, linh hoạt và chạy trên được nhiều nền tảng khác nhau. ASP.NET Core là một framework có thể được sử dụng để phát triển web với .NET.

### **ASP.NET Core là gì?**

ASP.NET Core là một web framework mã nguồn và được tối ưu hóa cho cloud để phát triển các ứng dụng web chạy trên nhiều nền tảng như Windows, Linux và Mac. Hiện tại, nó bao gồm MVC framework được kết hợp các tính năng của MVC và Web API thành một web framework duy nhất.

* Các ứng dụng ASP.NET Core có thể chạy trên .NET Core hoặc trên .NET Framework hoàn chỉnh.
* Nó đã được thiết kế để cung cấp một framework tối ưu cho các ứng dụng để triển khai tới cloud hoặc chạy on-premises.
* Nó bao gồm những modular với các thành phần tối thiểu, do đó bạn giữ được tính linh hoạt trong quá trình xây dựng các giải pháp của mình.
* Bạn có thể phát triển và chạy các ứng dụng đa nền tảng từ ASP.NET Core trên Windows, Mac và Linux.

### **2.1 Ưu điểm của ASP.NET Core**

ASP.NET Core đi kèm với những ưu điểm sau:

* ASP.NET Core có một số thay đổi kiến trúc dẫn đến modular framework nhỏ hơn.
* ASP.NET Core không còn dựa trên System.Web.dll. Nó dựa trên một tập hợp nhiều yếu tố của Nuget packages.
* Điều này cho phép bạn tối ưu ứng dụng của mình chỉ cần những NuGet packages cần thiết.
* Lợi ích của diện tích bề mặt ứng dụng nhỏ hơn thì bảo mật chặt chẽ hơn, giảm dịch vụ, cải thiện hiệu suất và giảm chi phí.

**2.2 .Net Core là gì?**

.NET Core là môi trường thực thi. Nó được thiết kế lại hoàn toàn của .NET Framework. Mục tiêu chính của .NET Core là hỗ trợ phát triển ứng dụng đa nền tảng cho ứng dụng .NET. Nó được hỗ trợ trên Windows, Mac OS và Linux. .NET Core là một framework mã nguồn mở được xây dựng và phát triển bởi Microsoft và cộng đồng .NET trên [Github](https://github.com/dotnet/core).

NET Core là một tập con của Full .NET Framwork.

WebForms, Windows Forms, WPF không phải là một phần của .NET Core.

## **3.Giới thiệu về Visual Studio**

Visual studio là một phần mềm hỗ trợ đắc lực hỗ trợ công việc lập trình website. Công cụ này được tạo lên và thuộc quyền sở hữu của ông lớn công nghệ Microsoft. Năm 1997, phần mềm lập trình nay có tên mã Project Boston. Nhưng sau đó, Microsoft đã kết hợp các công cụ phát triển, đóng gói thành sản phẩm duy nhất.

Visual Studio là hệ thống tập hợp tất cả những gì liên quan tới phát triển ứng dụng, bao gồm  trình chỉnh sửa mã, trình thiết kế, gỡ lỗi. Tức là, bạn có thể viết code, sửa lỗi, chỉnh sửa thiết kế ứng dụng dễ dàng chỉ với 1 phần mềm Visual Studio mà thôi.  Không dừng lại ở đó, người dùng còn có thể thiết kế giao diện, trải nghiệm trong Visual Studio như khi phát triển ứng dụng Xamarin, UWP bằng XAML hay Blend vậy.

Được đánh giá là một trong những công cụ lập trình có 1 – 0 – 2, Visual Studio là một lựa chọn tuyệt vời dành cho các lập trình viên. Đặc biệt là khi công cụ này còn sở hữu những ưu điểm vượt trội hơn hẳn bất kỳ IDE nào khác như:

* Ít dung lượng
* Tính năng phong phú, đa dạng và mạnh mẽ
* Hỗ trợ nhiều nền tảng khác nhau (Linux, Windows, Mac)
* Hỗ trợ đa ngôn ngữ (HTML, CSS, C#, F#, C/C++, JSON, JavaScript, …)
* Tính năng Intellisense chuyên nghiệp
* Giao diện thân thiện dễ sử dụng
* Cập nhật đa dạng phiên bản cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau, …

**CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG**

* 1. **Khảo sát và phát biểu bài toán:**
  2. **Phát biểu bài toán:**

Để mở cửa hàng bán các sản phẩm về đồ gỗ cho riêng mình thì cần phải xây dựng một website, nhằm giới thiệu các sản phẩm của cửa hàng, để thu hút nhiều khách hàng hơn cũng như việc mua bán trở nên thuận tiện dễ dàng, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

*Đối với khách hàng*

Khách hàng vãng lai cũng như các khách hàng đã là thành viên có thể tìm kiếm thông tin về các sản phẩm, có thể tìm các loại sản phẩm bằng cách cung cấp thông tin về sản phẩm đó.

Sau khi tìm thấy sản phẩm, khách hàng có thể xem thông tin chi tiết về các thông tin của từng sản phẩm và có thể mua một hoặc nhiều sản phẩm.

Khi mua sản phẩm, khách hàng cần tuân thủ các hướng dẫn của cửa hàng (để lại thông tin, phương thức thanh toán, nếu đã có tài khoản thì không cần phải điền nhiều thông tin)

Ngoài ra khách hàng còn có thể liên hệ với cửa hàng qua tin nhắn trực tiếp hoăc thông qua các trang mạng xã hội như facebook, zalo, email...

*Đối với người quản trị hay nhân viên*

Nhập đầy đủ thông tin trước khi xuất hoá đơn cho khách hàng

Quản lý các danh mục sản phẩm có thể thêm các danh mục sản phẩm khi hàng nhập về và thêm vào hệ thống.

Quản lý sản phẩm khi danh mục được tạo và thêm các thuộc tính sản phẩm vào hệ thống.

Nắm rõ tình hình mua bán, doanh thu của cửa hàng. Việc kiểm tra thống kê của người quản lý phải được thực hiện hằng ngày.

Ghi nhận và giải quyết các yêu cầu của khách hàng.

* 1. **Chức năng dự kiến:**

Sau khi thu thập và phân tích yêu cầu của khách hàng, chúng em thấy được rằng một website bán hàng cần có các chức năng cơ bản sau:

*Chức năng đăng nhập:* Cho phép người quản trị đăng nhập vào hệ thống, khi đăng nhập thành công người quản trị sẽ sử dụng được các chức năng của hệ thống.

*Chức năng quản lý danh mục:* Cho phép xem, thêm, cập nhật, xóa, tìm kiếm các thông tin về danh mục sản phẩm.

*Chức năng quản lý sản phẩm:* Cho phép thêm, sửa xóa các thông tin về các mặt hàng (tên sản phẩm, danh mục, hình ảnh, giá cả, nội dung chi tiết, số lượng, ...)

*Tìm kiếm***:** Nhằm giúp cho người dùng có thể tìm kiếm các thông tin sản phẩm, tìm kiếm tin tức ….

*Đặt mua sản phẩm:* Khi khách hàng có nhu cầu mua 1 sản phẩm bất kì nào đó nhưng không đến trực tiếp cửa hàng thì có thể đặt hàng trực tuyến bằng cách điền đấy đủ thông tin của khách hàng vào trang đặt hàng.

*Liên hệ với khách hàng:* Cho phép xem danh sách liên hệ của khách hàng gửi tới như thông tin khách hàng, nội dung liên hệ; cho phép xóa và trả lời lại những liên hệ của khách hàng.

*Giao diện người dùng*

Có giao diện đăng nhập và đăng kí tài khoản trên hệ thống cửa hàng.

Hiển thị được các sản phẩm theo danh mục, kiểu dáng, theo giá.

Cho phép khách hàng tìm kiếm các sản phẩm, xem thông tin chi tiết của sản phẩm, xem được những sản phẩm mới nhất.

Cho phép khách hàng đặt mua sản phẩm.

Cho phép gửi liên hệ, thắc mắc để được cửa hàng giải đáp nhanh nhất có thể.

1. **Xây Dựng Cơ Sở Dữ Liệu:**

Diagram, schematic

Description automatically generated­­

Hình 1. 1 Biểu đồ lớp Cơ Sở Dữ Liệu

* 1. **Bảng Account:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | AccountID | Int |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | TaiKhoan | Varchar |  |  | Tên người dùng |
| 3 | MatKhau | Varchar |  |  | Mật khẩu người dùng |
| 4 | RoleID | Int |  | KP | Mã quyền tài khoản. |
| 5 | CreateDate | DateTime |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 1 Bảng Account

* 1. **Bảng Role Account:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | RoleID | Nvarchar |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | RoleName | Varchar |  |  | Tên quyền |
| 3 | MoTa | NVarchar |  |  | Mô tả quyền truy cập |

Bảng 1. 2 Bảng Role Account

* 1. **Bảng Khách hàng:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tinh** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/Khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaKH | Int | Not null | KC | Mã khách hàng |
| 2 | TenKH | Nvarchar | Not null |  | Tên khách hàng |
| 3 | AvatarKH | Nvarchar |  |  | Đường dẫn avatar khách hàng |
| 4 | GioiTinh | Nvarchar |  |  | Giới tính khách hàng |
| 5 | NgaySinh | DateTime |  |  | Ngày sinh khách hàng |
| 6 | SDT | Int |  |  | Số điện thoại khách hàng |
| 7 | Email | Nvarchar |  |  | Email khách hàng |
| 8 | DiaChi | Nvarchar |  |  | Địa chỉ khách hàng |
| 9 | Password | Varchar |  |  | Mã tài khoản |
| 10 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 3 Bảng Khách hàng

* 1. **Bảng Danh mục sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaDM | Int |  | KC | Mã danh mục |
| 2 | TenDM | Varchar |  |  | Tên danh mục |
| 3 | AnhDM | Varchar |  |  | Ảnh danh mục |
| 4 | MoTaDM | NVarchar |  |  | Mô tả danh mục |
| 5 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái danh mục |

Bảng 1. 4 Bảng Danh mục sản phẩm

* 1. **Bảng Sản phẩm**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tinh** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/Khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaSP | Nvarchar | Not null | KC | Mã sản phẩm |
| 2 | MaDM | Nvarchar | Not null | KP | Mã danh mục |
| 3 | TenSP | Nvarchar |  |  | Tên sản phẩm |
| 4 | AnhSP | DateTime |  |  | Ảnh sản phẩm |
| 5 | VideoSP | Varchar |  |  | Video sản phẩm |
| 6 | GiaSP | Int |  |  | Giá sản phẩm |
| 7 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái sản phẩm |
| 8 | SoLuong | Int |  |  | Số lượng sản phẩm |
| 9 | BestSeller | Bit |  |  | Sản phẩm bán chạy |
| 10 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo sản phẩm |
| 11 | NgaySua | Date |  |  | Ngày sửa sản phẩm |
| 12 | MoTaSP | Nvarchar |  |  | Mô tả sản phẩm |

Bảng 1. 5 Bảng Sản phẩm

* 1. **Bảng Đơn hàng**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaDH | Int |  | KC | Mã đơn hàng |
| 2 | MaKH | Int |  | KP | Mã khách hàng |
| 3 | NgayTao | Date |  |  | Ngày tạo đơn |
| 4 | TrangThaiHuyDon | Bit |  |  | Trạng thái hủy đơn |
| 5 | ThanhToan | Bit |  |  | Trạng thái thanh toán |
| 6 | NgayThanhToan | DateTime |  |  | Ngày thanh toán |
| 7 | Note | Nvarchar |  |  | Ghi chú |

Bảng 1. 6 Bảng Đơn hàng

* 1. **Bảng Chi tiết đơn hàng**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaCTDH | Int |  | KC | Mã chi tiết đơn hàng |
| 2 | MaDH | Int |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | MaSP | Int |  |  | Mã sản phẩm |
| 4 | TongTien | Int |  |  | Tổng tiền đơn hàng |
| 5 | NgayGiao | Date |  |  | Ngày giao hàng |

Bảng 1. 7 Bảng Chi tiết đơn hàng

* 1. **Bảng Trạng thái đơn hàng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaTTDH | Int |  | KC | Mã trạng thái đơn hàng |
| 2 | MaDH | Int |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái đơn hàng |
| 4 | MoTa | Nvarchar |  |  | Mô tả đơn hàng |

Bảng 1. 8 Bảng Trạng thái đơn hàng

* 1. **Bảng Quản lý shipper**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaShipper | Nvarchar |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | MaDH | Varchar |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | TenShipper | Varchar |  |  | Tên shipper |
| 4 | NgayLayHang | Date |  |  | Ngày shipper lấy hàng |
| 5 | Phone | Int |  |  | Điện thoại shipper |
| 6 | TenCongTy |  |  |  | Tên công ty quản lý của shipper |

Bảng 1. 9 Bảng Quản lý shipper

* 1. **Bảng Tin tức**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaTT | Int |  | KC | Mã tin tức |
| 2 | TenTT | Nvarchar |  |  | Tên tin tức |
| 3 | AnhTT | Varchar |  |  | Ảnh tin tức |
| 4 | MoTaNgan | Nvarchar |  |  | Mô tả ngấn |
| 5 | MoTaDai | Nvarchar |  |  | Mô tả dài |
| 6 | TacGia | Nvarchar |  |  | Tên tác giả |
| 7 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 10 Bảng Quản lý shipper

1. **Xác Định Actor Và Usecase**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **ACTOR** | **USECASE** |
| **1** | **Admin** | * Quản đơn hàng: xem thông tin đơn hàng * Quản lý sản phẩm: Thêm, sửa, xóa sản phẩm * Quản lý tin tức: Thêm, sửa, xóa tin tức * Quản lý tài khoản: Xem và phân quyền tài khoản * Quản lý danh mục: Thêm, sửa danh mục. * Quản lý khách hàng: Xem thông tin khách hàng. * Đăng nhập/Đăng xuất. * Thống kê   + Thống kê doanh thu  + Thống kê dữ liệu |
| **2** | **Khách Hàng** | * Đăng ký tài khoản * Quản lý giỏ hàng: Thêm, xóa sản phẩm trong giỏ. * Tìm kiếm * Đặt hàng * Quản lý tài khoản cá nhân   + Đổi mật khẩu  + Thay đổi thông tin   * Đăng nhập/Đăng xuất |

Bảng 1. 11 Bảng Actor Và Usecase

* 1. **Đặc tả chức năng Đăng nhập – Đăng xuất – Đăng ký**
     1. **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin (Quản trị), Nhân viên, Khách hàng |
| Mục đích | Cho phép người dùng truy cập vào hệ thống Website. |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống. |
| Mô tả chung | Admin (Quản trị), nhân viên muốn thực hiện công việc hay chức năng của mình, hoặc khách hàng muốn mua mua đồ thì phải đăng nhập vào hệ thống.  Tất cả các trường trong màn hình bao gồm username, password đều là trường bắt buộc. Nếu bỏ trống, hệ thống có thông báo lỗi ‘ không được để trống’. |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn chức năng đăng nhập  2. Hiển thị form đăng nhập  3. Nhập thông tin đăng nhập (username, password)  4. Gửi thông tin đăng nhập tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin đăng nhập, nếu đúng thì cho phép truy cập hệ thống, sai thì thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. |
| Ngoại lệ | 3.1. fields không được để trống  5.1.Hệ thống thông báo đăng nhập thất bại. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Ngược lại, người dùng chưa đăng nhập hoặc đăng xuất thì:  Những lần đăng nhập tiếp theo phải đăng nhập lại. |

Bảng 1. 12 Đặc tả Use case Đăng nhập

**A picture containing diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 1 Biểu đồ trình tự đăng nhập

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 2 *Biểu đồ hoạt động Đăng nhập*

* + 1. **Đặc tả chức năng Đăng xuất.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên UC** | **Đăng xuất** |
| Tác nhân | Quản lý, khách hàng |
| Mục đích | Đăng xuất hệ thống |
| Mô tả | Người sử dụng thoát khỏi hệ thống |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người sử dụng chọn chức năng “Đăng xuất” 2. Hệ thống chuyển về “Trang chủ” |

Bảng 1. 13 Đặc tả Use case Đăng xuất

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 3 Biểu đồ trình tự đăng xuất

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 4 Biểu đồ hoạt động Đăng xuất

* + 1. **Đặc tả chức năng Đăng ký tài khoản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên UC** | **Đăng kí tài khoản** |
| Tác nhân | Khách xem |
| Mục đích | Đăng ký hệ thống |
| Mô tả | Người dùng đăng ký làm thành viên của hệ thống |
| Tiền điều kiện | Khách xem chưa có tài khoản hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người sử dụng chọn chức năng “Đăng ký”. 2. Hệ thống hiển thị form “Đăng ký”. 3. Người sử dụng nhập thông tin vào form “Đăng ký tài khoản” 4. Hệ thống lưu thông tin khách hàng vào CSDL và chuyển sang form “Thông tin”. 5. Hệ thống lưu thông tin khách hàng và CSDL và chuyển sang trang “Sản phẩm” |
| Luồng sự kiện phụ | 3.1 Nhập sai định dạng Email, password, yêu càu nhập lại  3.2 Nhập thiếu thông tin: email, usename, password, confirm password, yêu câgu nhập đầy đủ  3.3. Nhập password và confirm password không trùng nhau, yêu càu nhập lại  3.4 Thông tin tài khoản đã tồn tại trong CSDL, thông báo tài khoản đã tồn tại  4.1 Nhập sai định dạng thông tin của form, yêu cầu nhập lại  4.2 Nhập thiếu thông tin form, yêu cầu nhập đầy đủ   * 1. Bỏ trống thông tin, yêu cầu nhập đầy đủ |

Bảng 1. 14 Đặc tả Use case Đăng ký tài khoản

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 5 Biểu đồ trình tự đăng ký

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 6 *Biểu đồ hoạt động Đăng ký*

* 1. **Đặc tả chức năng quản lý sản phẩm**
     1. *Chức năng thêm sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm sản phẩm cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về sản phẩm, sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên danh sách sản phẩm |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm và chọn Thêm mới  2.Hiển thị màn hình thêm mới sản phẩm  3.Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống.  4.Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách sản phẩm và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút thêm mới |

Bảng 1. 15 *Chức năng thêm sản phẩm*

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 7 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 8 *Biểu đồ hoạt động thêm Sản phẩm*

* + 1. *Chức năng sửa sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa sản phẩm có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có sản phẩm cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, sản phẩm đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách sản phẩm |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm ( có thể chọn Danh sách)  2.Hiển thị danh sách các sản phẩm  3.Chọn sản phẩm cần sửa. Kích sửa  4.Hiển thị màn hình sửa sản phẩm  5.Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống.  6.Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách sản phẩm và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút sửa |

Bảng 1. 16 *Chức năng sửa sản phẩm*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 9 Biểu đồ trình tự Sửa sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 10 *Biểu đồ hoạt động sửa Sản phẩm*

* + 1. *Chức năng xóa sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Xóa sản phẩm của nhân viên |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn xóa sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có sản phẩm cần xóa. Khi xóa sản phẩm đi hệ thống sẽ tự động cập nhật lại, sản phẩm đó sẽ bị xóa khỏi danh sách. |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm và chọn Danh sách  2.Hiển thị danh sách các sản phẩm  3.Chọn sản phẩm cần xóa. Kích xóa  4.Kiểm tra hợp lệ thì sản phẩm đó sẽ được xóa khỏi danh sách và ở trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 4.1. Hệ thống thông báo xóa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút xóa |

Bảng 1. 17 *Chức năng xóa sản phẩm*

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 11 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 12 *Biểu đồ hoạt động xóa Sản phẩm*

* 1. **Đặc tả chức năng quản lý danh mục**
     1. *Đặc tả chức năng thêm danh mục*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm danh mục |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm danh mục cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm danh mục trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về danh mục, danh mục đó sẽ được hiển thị lên danh sách danh mục |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý danh mục và chọn Thêm mới 2. Hiển thị màn hình thêm mới danh mục 3. Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống. 4. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách danh mục và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý danh mục và nút thêm mới |

Bảng 1. 18 *Đặc tả chức năng thêm danh mục*

Biểu đồ trình tự Thêm danh mục

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 13 Biểu đồ trình tự Thêm danh mục

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 14 *Biểu đồ hoạt động Thêm danh mục*

* + 1. *Đặc tả chức năng Sửa danh mục*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa danh mục |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa danh mục có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa danh mục trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có danh mục cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, danh mục đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách danh mục |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý danh mục ( có thể chọn Danh sách) 2. Hiển thị danh sách các danh mục 3. Chọn danh mục cần sửa. Kích sửa 4. Hiển thị màn hình sửa danh mục 5. Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống. 6. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách danh mục và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý danh mục và nút sửa |

Bảng 1. 19 *Đặc tả chức năng Sửa danh mục*

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 15 Biểu đồ trình tự Sửa danh mục

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 16 *Biểu đồ hoạt động Sửa danh mục*

* 1. **Đặc tả chức năng Quản lý tin tức**

### *Chức năng thêm tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm tin tức cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về tin tức, tin tức đó sẽ được hiển thị lên danh sách tin tức |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức và chọn Thêm mới 2. Hiển thị màn hình thêm mới tin tức 3. Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống. 4. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách tin tức và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút thêm mới |

Bảng 1. 20 *Chức năng thêm tin tức*

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

Biểu đồ 1. 17 Biểu đồ trình tự Thêm tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 18 Biểu đồ hoạt động Thêm tin tức

### *Chức năng sửa tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa tin tức có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có tin tức cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, tin tức đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách tin tức |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức ( có thể chọn Danh sách) 2. Hiển thị danh sách các tin tức 3. Chọn tin tức cần sửa. Kích sửa 4. Hiển thị màn hình sửa tin tức 5. Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống. 6. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách tin tức và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút sửa |

Bảng 1. 21 *Chức năng sửa tin tức*

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

Biểu đồ 1. 19 Biểu đồ trình tự Sửa tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 20 *Biểu đồ hoạt động Sửa tin tức*

### *Chức năng xóa tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Xóa tin tức của nhân viên |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn xóa tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có tin tức cần xóa. Khi xóa tin tức đi hệ thống sẽ tự động cập nhật lại, tin tức đó sẽ bị xóa khỏi danh sách. |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức và chọn Danh sách 2. Hiển thị danh sách các tin tức 3. Chọn tin tức cần xóa. Kích xóa 4. Kiểm tra hợp lệ thì tin tức đó sẽ được xóa khỏi danh sách và ở trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 4.1. Hệ thống thông báo xóa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút xóa |

Bảng 1. 22 *Chức năng xóa tin tức*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 21 Biểu đồ trình tự Xóa tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 22 *Biểu đồ hoạt động Xóa tin tức*

### 

### **3.5. Đặc tả chức năng quản lý giỏ hàng**

### *3.5.1. Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Tác nhân | Khách hàng đã có tài khoản và khách xem (Khách hàng chưa có tài khoản) |
| Mục đích | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Mô tả chung | Khách hàng muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng trước tiên phải chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng và kích nút mua ngay thì sản phẩm sẽ được hiển thị lên danh sách sản phẩm trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng  2. Hiển thị giỏ hàng  3. Kích nút mua ngay  4. Gửi thông tin yêu cầu tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Ngoại lệ | 5.1.Không thêm được vào giỏ hàng |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu khách hàng đã có tài khoản có thể đăng nhập trước khi mua hàng |

Bảng 1. 23 *Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 23 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm vào giỏ

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 24 *Biểu đồ hoạt động Thêm SP vào Giỏ*

* + 1. *Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ hàng*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Tác nhân | Khách hàng đã có tài khoản và khách xem (Khách hàng chưa có tài khoản) |
| Mục đích | Xóa sản phẩm vào giỏ hàng cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| Mô tả chung | Khách hàng muốn xóa sản phẩm vào giỏ hàng trước tiên phải có sản phẩm trong giỏ hàng và chọn sản phẩm muốn xóa khi xóa sản phẩm thành công sẽ được cập nhật lại danh sách sản phẩm trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn giỏ hàng  2. Hiển thị thông tin giỏ hàng  3. Chọn sản phẩm muốn xóa. Kích nút xóa tương ứng  4. Gửi thông tin yêu cầu tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Ngoại lệ | 5.1. Không xóa được sản phẩm trong giỏ hàng  3.1 Không có sản phẩm trong giỏ hàng |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu khách hàng đã có tài khoản có thể đăng nhập trước khi mua hàng |

Bảng 1. 24 *Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 25 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm trong giỏ

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 26 *Biểu đồ hoạt động Xóa SP trong Giỏ*

1. **Thiết kế giao diện:**
   1. **Giao diện đăng nhập**

**Graphical user interface, text, chat or text message

Description automatically generated**

Hình 1. 2 Giao diện Đăng nhập

* 1. **Giao diện đăng ký**

**Graphical user interface, application, Teams

Description automatically generated**

Hình 1. 3 Giao diện Đăng ký

* 1. **Giao diện trang chủ**

A screenshot of a room with a coffee table and couches

Description automatically generated

Hình 1. 4 Giao diện trang chủ (1)

A screenshot of a social media ad

Description automatically generated

Hình 1. 5 Giao diện trang chủ (2)

* 1. **Giao diện trang Sản phẩm**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 7 Giao diện trang sản phẩm (1)

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 8 Giao diện trang sản phẩm (2)

* 1. **Giao diện trang tin tức**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 11 Giao diện tin tức

* 1. **Giao diện giỏ hàng**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 13 Giao diện giỏ hàng

* 1. **Giao diện thông tin người dùng**

A screenshot of a chat

Description automatically generated

Hình 1. 14 Giao diện thông tin người dùng

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 15 Giao diện đổi mật khẩu

* 1. **Giao diện trang Admin Dashboard**
     1. **Giao diện trang Admin Dashboard**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 16 Giao diện Admin dashboard

* + 1. **Giao diện trang Quản lý Sản phẩm**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 17 Giao diện Quản lý sản phẩm

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 18 Giao diện Thêm mới sản phẩm

* + 1. **Giao diện quản lý Khách hàng**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 19 Giao diện quản lý khách hàng

* + 1. **Giao diện quản lý Tài khoản**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 20 Giao diện quản lý tài khoản

* + 1. **Giao diện quản lý Danh mục**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 22 Giao diện Quản lý danh mục

# KẾT LUẬN

Phần mềm quản lý nhân sự là một phần mềm rất hữu ích, nó giúp cho việc quản lý của các cơ quan, doanh nghiệp được dễ dàng nhanh chóng và thuận tiện hơn từ đó giúp cho việc kinh doanh và sản xuất được phát triển hơn. Với mục đích muốn giúp đỡ phần nào đó cho các công ty nên em đã xây dựng phần mềm này mong rằng nó sẽ được ứng dụng nhiều trong tương lai gần.

Qua đây em xin được gửi lời cảm ơn thầy Phương Văn Cảnh đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành đề tài này. Tuy nhiên do trình độ và kiến thức còn hạn hẹp nên trong chương trình không tránh khỏi những thiếu xót, em rất mong nhận đựợc những góp ý và bổ sung của thầy cô và các bạn để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Ưu điểm :

* Website có giao diện thân thiện, thuận tiện cho người sử dụng.
* Hỗ trợ nhiều chức năng phù hợp với thực tế của việc tìm kiếm thông tin, trao đổi và quản lý nhân sự.
* Có nhiều chức năng xử lý linh hoạt các yêu cầu thực tế. Ví dụ như:

+ Cung cấp khả năng thống kê, báo cáo linh hoạt

+ Chức năng quản lý đăng nhập theo nhóm người dùng hỗ trợ tương đối tốt cho việc phân phối công việc theo chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận chuyên trách trong hệ thống quản lý nhân sự.

+ Chức năng nhập và quản lý nhân viên được thực hiện logic đảm bảo cho dữ liệu được hợp lệ hoá và cập nhật chính xác.

* Dễ dàng sử dụng và quản lý.
* Cơ sở dữ liệu tương đối lớn và tính bảo mật cao.

Khuyết điểm :

* Do thời gian nghiên cứu có hạn và khả năng còn hạn chế nên một số chức năng vẫn chỉ còn trên ý tưởng, chưa được thực thi.
* Một số chức năng còn chưa hoạt động ổn định.
* Chương trình có tính chuyên nghiệp chưa cao
* Chưa giải quyết chọn vẹn các vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý.
* Chương trình chưa có tính thẩm mỹ chưa cao

Hướng mở rộng :

* Tìm hiểu và hoàn thiện một số chức năng chưa thực hiện trong ứng dụng.
* Nghiên cứu tăng khả năng bảo mật, tốc độ truy vấn, khả năng quản lý dữ liệu tốt hơn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

## 1. Tài liệu giáo trình lập trình .Net nâng cao (Asp .Net Core) của thầy Phạm Văn Tiệp

## 2. Tài liệu giáo trình môn Hệ quản trị cơ sở dữ liệu của thầy Phương Văn Cảnh.